

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023 /DS-ST

Ngày: 19-5 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Khánh Trường – kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 và ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ a, ấp T, xã Đ, huyện AM, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Ngọc D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp b, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn T trình bày:

Vào ngày 05 tháng 02 âm lịch năm 2021 vì cần tiền làm thủ tục giấy tờ sang nhượng đất nên bà Trương Ngọc D (Gọi tắt là bà D) có hỏi vay của bà Nguyễn Thị N

(Gọi tắt là bà N) 02 (hai) chỉ vàng 24k, lãi thỏa thuận 400.000 đồng/tháng. Đến ngày 06 tháng 02 âm lịch năm 2021 bà D hỏi vay thêm 5.000.000 đồng để trị bệnh thỏa thuận lãi suất 500.000 đồng/tháng/5.000.000 đồng tiền vay. Khi vay tiền bà D hứa khi nào sang được đất sẽ trả hết số nợ nhưng sau đó bà D không thực hiện trả vốn và trả lãi cho đến nay. Do bà D không thực hiện trả nợ nên vợ chồng bà N và ông T đã làm đơn yêu cầu của Ban lãnh đạo ấp b xã N giải quyết. Tại buổi hòa giải vào ngày 05 tháng 01 năm 2022 bà D thừa nhận có vay của vợ chồng bà N và ông T 02 chỉ vàng 24 kara và 5.000.000 đồng đồng thời bà N quy ra thành tiền 20.000.000 đồng và hứa trả dứt điểm vào tháng 3 âm lịch năm 2022 nhưng đến nay cũng không thực hiện trả nợ.

Trong đơn khởi kiện vợ chồng ông T và bà N yêu cầu bà D trả số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, vợ chồng ông T bà N yêu cầu bà D trả số nợ vay là 02 chỉ vàng 24kara loại vàng 9999 và 5.000.000 đồng đồng thời phải trả tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định từ ngày vay tiền cho đến khi trả xong nợ. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bà Trương Ngọc D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố và không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà N.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (Một) biên bản hòa giải của ấp b, xã N, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Bà N ông T yêu cầu bà D trả số nợ 20.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phân thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bà Trương Ngọc D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông T và bà N yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả số nợ vay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà D không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện ông T và bà N cung cấp chứng cứ là biên bản hòa giải của Ban lãnh đạo ấp b xã N vào ngày 05 tháng 01 năm 2022 thể hiện bà D có nợ của vợ chồng ông T và bà N 02 chỉ vàng và 5.000.0000 đồng. Các bên thỏa thuận trả bằng tiền là 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả làm hai lần cụ thể vào ngày 29 tháng giêng năm 2022 trả 10.000.000 đồng và ngày 29 tháng 2 âm lịch năm 2022 trả 10.000.000 đồng. Tuy nhiên kể từ thời điểm thỏa thuận cho đến nay bà D vẫn không thực hiện trả nợ cho

ông T và bà N. Việc bà D không thực hiện trả nợ như thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên ông T và bà N khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số nợ bà D vay của bà vợ chồng ông T là 02 chỉ vàng 24 kara và 5.000.000 đồng hiện nay bà D chưa thực hiện trả nợ căn cứ vào Điều 280, 463 và 466 Bộ luật dân sự, cần buộc bà D phải hoàn trả cho vợ chồng bà N và ông T 02 chỉ vàng 24 kara và 5.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của số tiền vay: Nhận thấy khi cho vay tiền các bên có thỏa thuận trả lãi, tuy nhiên mức lãi thỏa thuận ban đầu là 500.000 đồng/5.000.000 đồng tiền vay/tháng là vượt quá mức lãi suất mà pháp luật cho phép. Tại phiên tòa vợ chồng ông T và bà N yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp và áp dụng mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính số tiền lãi mà bà D phải trả cho vợ chồng ông T và bà N.

Thời gian bà D phải trả lãi cho vợ chồng ông T và bà N tính từ ngày vay là ngày 06/02 âm lịch/2021 (Tức ngày 18/3 dương lịch/2021) đến ngày xét xử vụ án là ngày 19/5/2023 tổng cộng là (02 năm + 02 tháng + 01 ngày), số tiền lãi được tính như sau:

$5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times (02 \text{ năm} + 02 \text{ tháng} + 01 \text{ ngày}) = 2.169.405 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng số tiền bà D phải trả cho vợ chồng bà N bao gồm: 5.000.000 đồng (Tiền vốn vay) + 2.169.405 đồng (Tiền lãi) = 7.169.405 đồng.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà D còn phải trả cho ông T và bà N khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà D phải nộp là:

$[7.169.405 \text{ đồng} + (02 \text{ chỉ vàng } 24\text{kara loại } 9999 \times 5.660.000 \text{ đồng/chỉ} = 11.320.000 \text{ đồng})] \times 5\% = 924.470 \text{ đồng}.$

Ông T và bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Trương Ngọc D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N 02 (Hai) chỉ vàng 24 kara loại 999 và 7.169.405 đồng (Bảy triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm linh năm đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trương Ngọc D còn phải trả cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc bà Trương Ngọc D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 924.470 đồng (Chín trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng)

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N được hoàn trả số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003646 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 19/5/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm